

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2026/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc *“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh Trần A D, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Lai Châu.

- Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Lai Châu.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố H, phường N, tỉnh Bắc Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Lý Thị Đ và anh Trần A D trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Đ và anh Trần A D là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2015, quyền số 01/2014, ngày 09/07/2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là UBND phường T, tỉnh Lai Châu). Đến nay Chị Đ và anh D đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Lý Thị Đ và anh Trần A D đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu chia tài sản chung,

nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị Đ và anh Trần A D.

- Về việc nuôi con: Chị Lý Thị Đ và anh Trần A D có 01 con chung, cháu Trần Tâm D1, sinh ngày 25/5/2015. Chị Đ và anh D thỏa thuận như sau:

Anh Trần A D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Trần Tâm D1, sinh ngày 25/5/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 20/03/2026

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh D có đơn yêu cầu thi hành án, chị Đ chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chị Lý Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Chị Lý Thị Đ và anh Trần A D tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lý Thị Đ và anh Trần A D thỏa thuận anh D là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh D đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000075 ngày 26/2/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS - khu vực 1 Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga